

# Nhận thức mới của Đảng ta VỀ NỘI DUNG KINH TẾ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo và hết)

PGS, TSKH PHAN XUÂN SƠN\*

**Đ**ại hội Đảng lần thứ VIII khẳng định: “Từ những bài học thành công và chưa thành công, chúng ta đã điều chỉnh và bổ sung nhận thức, làm cho quan niệm về chủ nghĩa xã hội ngày càng cụ thể; đường lối, chủ trương, chính sách ngày càng đồng bộ, có căn cứ khoa học và thực tiễn. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng xác định rõ hơn<sup>15</sup>. Xuất phát từ kết quả 10 năm đổi mới, từ những tiến bộ đã được tạo ra, Đảng ta nhận định rằng “nước ta đã chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá”<sup>16</sup>.

Công nghiệp hoá (CNH) ở nước ta vẫn là nhiệm vụ trung tâm của suốt thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, phải thấy rằng, hiểu CNH như trước đây là chưa đầy đủ và có nhiều mặt không đúng. CNH trong giai đoạn mới theo quan điểm mới là:

- Giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hoá đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ nguồn lực bên ngoài, xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu.

- CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững.

- Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, dự án đầu tư công nghệ.

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nội dung CNH, HĐH được Đảng ta xác định cụ thể, phù hợp hơn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đặc điểm chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta, đó là: Coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn; ưu tiên các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin; chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng; phát triển nhanh du lịch, dịch vụ; phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Quan điểm về CNH, HĐH như trên rõ ràng đã tính đến những yếu tố mới của kinh tế thị trường và những biến đổi kinh tế-xã hội trong nước và trên thế giới do cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mang lại. Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức về nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ thể hiện ở chỗ, trước đây, chúng ta nhấn mạnh “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng”, chỉ coi công nghiệp nặng là yếu tố duy nhất bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật

\* Phó viện trưởng Viện chính trị học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

của CNXH, mà không xác định được rằng, trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, khi tích lũy từ nội bộ nền kinh tế chưa đủ lớn, khi mức sống của đại bộ phận nhân dân còn quá thấp, thì không thể tập trung đầu tư cho công nghiệp nặng, ngành công nghiệp đòi hỏi một nguồn vốn rất lớn, một đội ngũ nhân lực cao tương xứng.

Về mô hình nền kinh tế thị trường, Đại hội VIII tiếp tục xác định "thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần"<sup>17</sup>. Trong mô hình kinh tế này, Đảng đã có nhận thức mới hơn về "kinh tế quốc doanh". Vai trò chủ đạo trong nền kinh tế giờ đây thuộc về "kinh tế nhà nước" chứ không phải là "kinh tế quốc doanh"; kinh tế quốc doanh chỉ là một bộ phận của kinh tế nhà nước. Tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của từng loại hình doanh nghiệp được đưa ra khá cụ thể, không phải chung chung "hiệu quả kinh tế - xã hội" như trước, mà là "lấy suất sinh lời trên vốn" đối với doanh nghiệp kinh doanh, "kết quả thực hiện chính sách xã hội" đối với doanh nghiệp công ích<sup>18</sup>.

Để đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Đảng ta bắt đầu chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước. Nhưng cổ phần hoá theo tinh thần Văn kiện Đại hội VIII là "cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hóa. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỉ lệ cổ phần chi phối"<sup>19</sup>.

Như vậy, trong tư duy kinh tế cho đến năm 1996, vẫn còn nặng về vai trò quyết định của hình thức sở hữu, chưa thấy hết những biến đổi trong lĩnh vực quản lý và phân phối.

Tư duy về kinh tế nhà nước thay đổi rõ rệt từ Đại hội IX, vai trò "chủ đạo" giờ đây được xác định cụ thể và hiện thực hơn. Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu trong ứng dụng tiến

bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả và chấp hành pháp luật. Hướng tới đầu tư một số doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước ở những lĩnh vực then chốt, xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh. Chủ trương cổ phần hoá rộng rãi hơn. Đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ; sát nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả. Đại hội cũng đã bước đầu đặt ra vấn đề phân biệt quyền chủ sở hữu và quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước và công ty cổ phần có vốn của Nhà nước, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng năng động hoá hoạt động của các công ty nhà nước, theo mô hình công ty mẹ công ty con, hướng tới thành lập các tập đoàn kinh tế mạnh, có tiềm lực để có thể hoạt động và cạnh tranh với khu vực và thế giới.

Thể chế hoá những chủ trương trên đây của Đảng, Quốc hội đã sửa đổi Luật doanh nghiệp, thông qua Luật cạnh tranh... góp phần hoàn thiện quan niệm về nền kinh tế thị trường, các loại thị trường và các thể chế thị trường định hướng XHCN.

Khái niệm "kinh tế hợp tác" trong Văn kiện Đại hội VII góp phần xác định một thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở nước ta. Phát triển sâu sắc hơn quan điểm của Đại hội VI và Đại hội VII, Đại hội VIII nêu rõ: "Phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã; tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ"<sup>20</sup>.

Chúng ta cũng đã thừa nhận thành phần kinh tế tư bản nhà nước, thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ, thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Các thành phần này được khuyến khích phát triển, được bảo hộ quyền sở hữu, bảo vệ lợi ích hợp pháp... và quan trọng hơn là không nghiêm cấm các thành phần này hoạt động trong lĩnh vực lưu thông phân phối như trước đây.

**Quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được nhất quán khẳng định trong Văn kiện Đại hội IX.** Cũng cần khẳng định rằng, quan điểm phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở Đại hội IX và trong các nghị quyết Hội nghị BCH TƯ Khoá IX, không chỉ là mới nhất mà còn gắn nhất với cách tiếp cận hoàn chỉnh về một mô hình kinh tế thị trường. Lần đầu tiên, Đảng ta đưa ra quan niệm "nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"<sup>21</sup>. Đây là một bước tiến dài trong tư duy kinh tế và chính trị của Đảng ta về "mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội"<sup>22</sup>.

Xác định xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đưa đến một sự thay đổi căn bản trong tư duy về xác định những nội dung của phát triển kinh tế, vai trò của các thành phần, các loại thị trường, đặt ra sự cần thiết phải hoàn thiện các thể chế thị trường định hướng XHCN. Bởi một nền kinh tế thị trường là một nền kinh tế hàng hoá nhưng đã phát triển ở giai đoạn cao, ít ra là từ giai đoạn TBCN trở đi. Cho nên nói xây dựng một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là chưa cụ thể, dễ dẫn đến hiểu sai và thực hiện sai trong thực tiễn mô hình kinh tế chúng ta đang xây dựng - lẽ ra là một mô hình kinh tế hàng hoá ở giai đoạn cao - nền kinh tế thị trường, lại có thể lãng phí nguồn lực để xây dựng một nền kinh tế hàng hoá giai đoạn thấp - trước thời kỳ TBCN, mà biểu hiện cụ thể và phổ biến của nó là các loại quan hệ kinh tế ngấm, manh mún, tản mạn, phi thể chế, không được kiểm soát bởi Nhà nước và xã hội.

Để có được một nhận thức như vậy, chúng ta đã phải trải qua một khoảng thời gian hơn 20 năm, từ Đại hội Đảng lần thứ V (1982) và thậm chí còn trước đó nữa, từ HNTƯ 6, Khoá IV (1979).

Có thể nói, những thành tựu tư duy đã đạt được từ Đại hội IX và các nghị quyết của BCH TƯ Khoá IX, cùng với những gì học hỏi được trong quá trình chủ

động hội nhập kinh tế quốc tế, tư duy về nền kinh tế nhiều thành phần của toàn Đảng ta được phát triển cụ thể hơn, khắc phục được sai lầm, bệnh giáo điều, nóng vội, vượt xa giai đoạn ấu trĩ, nhưng phía trước còn đặt ra nhiều vấn đề, không chỉ là cần thiết phải thống nhất, mà còn phải đảm bảo tính khoa học đúng đắn.

Từ Đại hội III năm 1960 đến Đại hội IX năm 2001, tức là hơn 40 năm bước vào thời kỳ quá độ, lần đầu tiên chúng ta xác định mọi thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (tức là nền kinh tế quốc dân), cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Lần đầu tiên, trong HNTƯ 5 Khoá IX đã đưa khái niệm "thể nhân" vào tư duy kinh tế của Đảng, mở ra một thời kỳ mới, cụ thể hoá quyền kinh tế của công dân, nếu được luật hoá thì đó là căn cứ pháp lý quan trọng để đảm bảo quyền hoạt động kinh tế của công dân, quyền dân chủ trong đời sống kinh tế, góp phần hoàn thiện các thể chế thị trường.

Quan niệm về sở hữu và các hình thức sở hữu cũng có những bước phát triển phù hợp hơn với thực tiễn khách quan của thời kỳ quá độ, khắc phục được quan niệm máy móc, xơ cứng. Đảng ta xác định: "Từ các hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp"<sup>23</sup>.

Nhận thức về thành phần kinh tế tập thể được đổi mới về căn bản, bao chứa được rộng rãi các hình thức liên hiệp, hợp tác hoạt động kinh tế của thể nhân, pháp nhân, kể cả công chức nhà nước, với sự mở rộng gần như không giới hạn phạm vi, lĩnh vực, quy mô hoạt động, cùng với những đảm bảo về sự hỗ trợ khoa học – công nghệ, đào tạo nhân lực, tài chính tín dụng... từ phía Nhà nước, kinh tế tập thể có nhiều khả năng tham gia hiệu quả vào nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Có thể nói, mô hình

kinh tế tập thể theo tinh thần NQTƯ 5 Khóa IX rất linh hoạt, uyển chuyển, phù hợp với tính chất, đặc điểm của thời kỳ quá độ. Vấn đề đặt ra là trong thực tiễn đổi mới HTX kiểu cũ theo luật và tổ chức những mô hình kinh tế hợp tác, hiện còn gặp nhiều lúng túng, cản trở.

*Thành phần kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.* "Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế"<sup>24</sup>.

Đại hội IX và các HNTƯ Khóa IX cũng đã chú trọng đến phát triển đa dạng kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể.

*Một thành phần kinh tế mới* (so với cách xác định của Lênin trong thời kỳ NEP), được Đại hội IX phân ra một thành phần riêng, đó là *thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Tuy nhiên, việc xác định các thành phần có ý nghĩa tương đối nhưng nó giúp cho các cơ quan chức năng có những phương thức phù hợp trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với từng thành phần.

*Như vậy cho đến nay, quan điểm kinh tế của Đảng trong thời kỳ quá độ đã được phát triển khá phù hợp với thực tiễn khách quan, thể hiện tương đối rõ tính phổ biến, tính phù hợp, tính ổn định, tính khoa học và tính định hướng (XHCH).*

**Thứ nhất**, về độ dài của thời kỳ quá độ, Đảng ta xác định là lâu dài. Trong suốt thời kỳ quá độ đó phải chia ra nhiều chặng đường nhỏ. Chặng đường đầu tiên là từ năm 1976 đến 1996; chặng đường thứ hai - đẩy mạnh CNH, HĐH, từ năm 1997 đến năm 2020. Đến năm 2020, cơ bản nước ta trở thành một nước công nghiệp.

**Thứ hai**, về nội dung kinh tế của thời kỳ quá độ: Mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ được Đảng ta xác định là "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". *Nền kinh tế này là một tổ hợp có tính chỉnh thể bao gồm các quan hệ thị*

*trường, các chủ thể thị trường, trong đó có Nhà nước, các thể chế thị trường, theo đuổi những mục tiêu kinh tế - xã hội nhất định, được xác định trong một không gian kinh tế thống nhất.* Mặc dù nền kinh tế này chúng ta đang xây dựng, còn nhiều khiếm khuyết, yếu kém và hoạt động chưa hoàn hảo, nhưng hiệu quả kinh tế - xã hội của nó là rõ rệt, không thể phủ nhận: Hợp lòng dân (kể cả các tầng lớp dân cư trong và ngoài nước); nhận được sự ủng hộ của dư luận quốc tế, của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư; phát triển khá nhanh lực lượng sản xuất, tăng trưởng khá cao, có tích lũy, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, thực hiện từng bước công bằng xã hội; ổn định chính trị, tạo ra các điều kiện cơ bản để chủ động hội nhập kinh tế thế giới, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và thế giới.

**Thứ ba**, về nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ, tức là xây dựng một nền công nghiệp hiện đại đủ sức đáp ứng yêu cầu nền tảng cho các ngành kinh tế quốc dân, Đảng ta cũng có những cách tiếp cận mới và quan điểm mới. Quan niệm về CNH đã không bị bó hẹp trong khái niệm truyền thống của thời kỳ "công nghiệp ống khói", mà biết gắn CNH với HĐH, trong điều kiện sự phát triển bùng nổ của khoa học công nghệ, và sự chuyển mình của các đầu tàu kinh tế sang kinh tế tri thức. Trong điều kiện ấy, Đảng ta đã đặt được vấn đề về hai sự lựa chọn: *Thứ nhất*, trong một nước nông nghiệp như nước ta, từ những kinh nghiệm của các giai đoạn trước, Đảng ta xác định "Công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước"<sup>25</sup>. *Thứ hai*, chọn khoa học - công nghệ làm khâu đột phá.

Cũng cần thẳng thắn thừa nhận rằng, ngoài những thành công kể trên, việc xác định những nội dung kinh tế của thời kỳ quá độ ở nước ta còn chậm, "chưa đủ mạnh mẽ, kiên quyết, nhất quán"<sup>26</sup>; nhiều vấn đề còn thiếu bài bản, mờ mịt, trong lúc kinh nghiệm thế giới đã có, các chuyên gia trong nước và thế giới am hiểu nhiều, nhưng chưa tham khảo được

rộng rãi và hiệu quả ý kiến của họ. Đặc biệt, còn chậm chạp trong việc từ bỏ cơ chế bao cấp, xin - cho, bảo hộ các doanh nghiệp nhà nước; đối xử thiếu bình đẳng giữa các thành phần, xây dựng các thể chế thị trường còn chậm, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế và trực tiếp quản lý các doanh nghiệp nhà nước còn chưa đủ trình độ, năng lực và tầm nhìn phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong tình hình hiện nay.

Trong nhận thức của nhiều cán bộ, đảng viên vẫn chưa dứt khoát, cho rằng kinh tế thị trường là CNTB, không coi đó là thành tựu của tư duy và thực tiễn kinh tế nhân loại mà chúng ta - một nước có trình độ phát triển kinh tế thấp phải vươn tới. Từ đó, có khuynh hướng giải thích tất cả những tiêu cực, yếu kém, suy thoái đạo đức và lối sống đều do phát triển kinh tế thị trường. Cũng từ đó coi "định hướng XHCN" chính là những yếu tố quan liêu, bao cấp đã từng tồn tại và vận hành trước đây, không tìm tòi những mô hình quản lý mới của nhà nước XHCN trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, mà đó mới chính là những yếu tố định hướng XHCN thực sự.

Trong thời kỳ quá độ, đẩy mạnh CNH, HĐH ở một nước nông nghiệp, đất đai là một vấn đề đặc biệt quan trọng. Mặc dù quyền sở hữu công cộng về đất đai đã được xác lập ngay từ sau khi hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, mặc dù chúng ta đã có *Luật đất đai* (năm 1993; sửa đổi năm 2003) và cùng với những cơ sở pháp lý ấy, chúng ta đã chủ trương xây dựng một thị trường bất động sản,... nhưng vấn đề đất đai vẫn chưa có hướng giải quyết cơ bản. Quyền sở hữu đất đai của toàn dân, mà Nhà nước là người đại diện, có nguy cơ trở thành hình thức trên các mặt: quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền hưởng dụng (quyết định), làm lãng phí rất lớn tài sản của nhân dân. Do yếu kém trong quản lý đất đai, đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Khoảng 70% nguyên nhân của các điểm nóng, xung đột, tranh chấp, khiếu kiện của dân liên quan đến đất đai, thu hút một nguồn tài

chính rất lớn của đất nước vào hoạt động đầu cơ đất đai và gắn liền với nó là thị trường bất động sản, góp phần chủ yếu gây ra các tệ nạn tham nhũng ở một bộ phận cán bộ có chức có quyền, gây ra nhiều bất công xã hội.

Theo xác định của Đại hội IV (1976) thì nước ta sẽ hoàn thành CNH XHCN sau khoảng hai mươi năm, tức vào khoảng giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, và đó là điều kiện để đưa nước ta trở thành một nước có nền sản xuất lớn XHCN. Nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, mà trong đó nguyên nhân chủ quan là chính, đến năm 1996 (Đại hội VIII) chúng ta mới đủ điều kiện để đề ra chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, muộn hơn so với tính toán ban đầu khoảng 20 năm. Có thể nói, trong đổi mới nhận thức của Đảng ta về thời kỳ quá độ, những thiếu sót, khuyết điểm, sai lầm, kinh nghiệm chưa thành công... có ý nghĩa quan trọng, giúp Đảng ta ngày càng xác định chính xác hơn những nội dung kinh tế, chính trị của thời kỳ quá độ, đánh giá lại những chặng đường đã qua và quan trọng hơn là hoạch định chủ trương, đường lối cho những chặng đường tiếp theo, đặc biệt là từ nay đến năm 2020, và sau năm 2020, khi nước ta (theo dự kiến) đã cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tức là xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, được coi là kết thúc thời kỳ quá độ lên CNXH. Đây là những vấn đề lý luận và thực tiễn rất lớn đang đặt ra, cần phải được tiếp tục giải quyết.

15, 16, 17, 18, 19, 20. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr.12, 18, 91, 94, 94, 95

21, 22, 23. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.86, 88, 96

24, 25. Đảng cộng sản Việt Nam: *Các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Khóa IX*, CTQG, H, 2002, tr.26-27, 43

26. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ IX Ban chấp hành Trung ương Khóa IX*, CTQG, H, 2004, tr.73.